

Số: /2019/TT-BKHHCN Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Ban hành "QCVN xx:2019/BKHHCN

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự"

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự".

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này QCVN xx:2019/BKHHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự.

Điều 2. Lộ trình áp dụng đối với các thiết bị điện quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này như sau:

1. Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2020, dây và cáp điện sản xuất trong nước và nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN này trước khi lưu thông trên thị trường.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, các thiết bị điện: ổ cắm điện, phích cắm điện, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài, công tắc điện, aptomat phải

đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN này trước khi lưu thông trên thị trường.

3. Dây và cáp điện đã được sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu trước ngày 01/7/2020 thì được lưu thông đến hết ngày 30/6/2020.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị điện áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật này và thực hiện công bố hợp quy trước thời điểm quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 của Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự chuẩn bị yêu cầu kỹ thuật cần thiết để áp dụng các quy định của QCVN xx:2019/BKHCN kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đến trước thời điểm quy định tại khoản 1 và 2 Điều 2 của Thông tư này.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và triển khai thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng CP (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu: VT, TĐC.

BỘ TRƯỞNG



DỰ THẢO LẤY
Ý KIẾN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN :2019/BKH-CN

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

VỀ THIẾT BỊ ĐIỆN DÙNG CHO LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH VÀ
HỆ THỐNG LẮP ĐẶT TƯƠNG TỰ

*National technical regulation on electrical equipment for household
electrical installations and similar installations*

HÀ NỘI – 2019

Lời nói đầu

QCVN :2019/BKHCN do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số .../TT-BKHCN ngày ... tháng ... năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ THIẾT BỊ ĐIỆN DÙNG CHO LẮP ĐẶT ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH VÀ HỆ THỐNG
LẮP ĐẶT TƯƠNG TỰ

National technical regulation on electrical equipment for household electrical installations and similar installations

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định các yêu cầu về an toàn và các yêu cầu về quản lý đối với các thiết bị điện được quy định trong các Danh mục tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này (sau đây gọi tắt là Danh mục thiết bị điện) và thuộc phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

Các thiết bị điện phòng nổ không thuộc phạm vi áp dụng của quy chuẩn kỹ thuật này.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh các thiết bị điện thuộc Danh mục thiết bị điện (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp), các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Thiết bị điện: Thiết bị điện bao gồm dây, cáp điện và các thiết bị điện dùng lắp đặt trong hệ thống lắp đặt điện hạ áp trong dân dụng được nêu chi tiết trong Danh mục thiết bị điện.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Thiết bị điện phải phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật sau:

2.1. Yêu cầu về an toàn

Thiết bị điện phải phù hợp với yêu cầu của các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

2.2. Yêu cầu về ghi nhãn

Thiết bị điện phải được ghi nhãn phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam và các quy định về ghi nhãn trong các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

2.3. Quy định về điều kiện khí hậu

Đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn liên quan đến điều kiện khí hậu thì áp dụng điều kiện khí hậu nhiệt đới.

2.4. Quy định về phiên bản tiêu chuẩn áp dụng

Tại thời điểm bắt đầu áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật này, áp dụng các tiêu chuẩn tương ứng nêu trong Danh mục thiết bị điện.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Điều kiện lưu thông trên thị trường

Thiết bị điện phải được chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và mang dấu hợp quy CR trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường và chịu sự kiểm tra của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa khi lưu thông trên thị trường.

3.2. Chứng nhận hợp quy, dấu hợp quy và công bố hợp quy

- Các thiết bị điện thuộc Danh mục tại Phụ lục 1 của Quy chuẩn kỹ thuật này phải được chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 hoặc phương thức 7. Doanh nghiệp yêu cầu chứng nhận hợp quy có thể yêu cầu chứng nhận theo phương thức 5 hoặc phương thức 7 tùy thuộc vào năng lực sản xuất, năng lực nhập khẩu và nhu cầu của Doanh nghiệp.

- Các thiết bị điện thuộc Danh mục tại Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật này phải được chứng nhận hợp quy theo phương thức 1.

- Chứng nhận hợp quy, dấu hợp quy và công bố hợp quy được thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 03 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.

- Công bố hợp quy phải dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận thực hiện.

- Giấy chứng nhận hợp quy trong trường hợp được đánh giá chứng nhận theo phương thức 1 và phương thức 5 có giá trị hiệu lực không quá ba (3) năm.

- Giấy chứng nhận hợp quy trong trường hợp được đánh giá chứng nhận theo phương thức 7 chỉ có giá trị cho lô hàng được chứng nhận.

3.3. Kết quả thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm phải được phát hành bởi các tổ chức thử nghiệm đã đăng ký lĩnh vực hoạt động và phải được chỉ định hoặc được thừa nhận. Tất cả các chỉ tiêu

thử nghiệm nêu trong kết quả thử nghiệm phải thuộc phạm vi công nhận của chứng chỉ công nhận TCVN ISO/IEC 17025 đã cấp cho tổ chức thử nghiệm.

Kết quả thử nghiệm điển hình phải có hình thức theo IEC EE CB Test Form hoặc phải thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

- Đầy đủ các chỉ tiêu thử nghiệm điển hình theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật này;
- Các hình màu chụp nhãn sản phẩm;
- Các hình màu chụp bên ngoài, thể hiện toàn bộ kết cấu, hình dạng bên ngoài của sản phẩm;
- Các hình màu chụp bên trong, thể hiện rõ kết cấu và phân bố linh kiện bên trong;
- Danh mục các linh kiện chính thể hiện rõ tên linh kiện, ký mã hiệu, thông số kỹ thuật, dấu chứng nhận in trên linh kiện và số giấy chứng nhận phù hợp đã cấp cho linh kiện này (nếu sản phẩm có sử dụng linh kiện).

4. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp

- Tổ chức chứng nhận hợp quy phải tổ chức thực hiện chứng nhận hợp quy theo đúng các quy định của quy chuẩn kỹ thuật này và thực hiện các nghĩa vụ báo cáo về kết quả hoạt động đánh giá chứng nhận hợp quy đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng theo các quy định hiện hành.

- Tổ chức thử nghiệm phải thực hiện và phát hành kết quả thử nghiệm như quy định tại Điều 3.4.

- Tổ chức chứng nhận hợp quy phải lưu trữ hồ sơ chứng nhận ít nhất sáu (6) năm kể từ ngày hết hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đối với phương thức 1 và phương thức 5 và từ ngày phát hành của giấy chứng nhận đối với phương thức 7.

4.2. Trách nhiệm của Doanh nghiệp

Doanh nghiệp phải có trách nhiệm:

- Cung cấp cho tổ chức chứng nhận các tài liệu kỹ thuật của thiết bị điện để phục vụ cho việc thử nghiệm điển hình và chứng nhận hợp quy khi có yêu cầu.

- Cung cấp cho tổ chức chứng nhận các thông tin để thể hiện trên giấy chứng nhận như tên, địa chỉ nhà sản xuất, tên sản phẩm, ký mã hiệu sản phẩm và các thông số danh định của sản phẩm. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này.

- Đảm bảo các thiết bị điện được sản xuất, nhập khẩu và đưa ra lưu thông trên thị trường phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật này và có kết cấu, linh kiện phù hợp với mẫu thiết bị điện đã được thử nghiệm điển hình.

- Đảm bảo các hàng hóa đã được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật này phải được dán dấu hợp quy CR và công bố hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

- Thu hồi các hàng hóa đã lưu thông trên thị trường và chịu các hình thức xử phạt theo quy định hiện hành khi phát hiện hàng hóa đang lưu thông trên thị trường không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật này.

- Lưu trữ Giấy chứng nhận và hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm được chứng nhận ít nhất mười (10) năm kể từ ngày sản phẩm xuất xưởng hoặc nhập khẩu.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1 Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chuẩn kỹ thuật này.

5.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. Trường hợp các tiêu chuẩn được viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5.3 Trong trường hợp Việt Nam tham gia ký kết các hiệp định song phương hoặc đa phương với các điều khoản có liên quan đến phạm vi áp dụng của Quy chuẩn kỹ thuật này thì thực hiện theo quy định tại các hiệp định đó./.

PHỤ LỤC 1

Danh mục các thiết bị điện phải chứng nhận phù hợp QCVN :2019/BKHCN
theo phương thức 5 hoặc phương thức 7

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	HS
1.	Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V gồm các loại <ul style="list-style-type: none"> - Cáp không có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định; - Cáp có vỏ bọc dùng để lắp đặt cố định; - Cáp mềm (Dây mềm). 	TCVN 6610-1:2014 (IEC 60227-1:2007) TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1997) TCVN 6610-4:2000 (IEC 227-4:1992 Adm.1:1997) TCVN 6610-5:2014 (IEC 60227-5:2011)	85444941
2.	Áp tômát bảo vệ quá dòng dùng cho điện xoay chiều, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (MCB) dòng điện danh định không quá 125 A	TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015)	85362011 85362012 85362013
3.	Áp tômát tác động bằng dòng dư, có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) dòng điện danh định không quá 125 A	TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003)	85365033 85365039

PHỤ LỤC 2

Danh mục các thiết bị điện phải chứng nhận phù hợp QCVN :2019/BKHCN
theo phương thức 1

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	HS
1.	Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến và bằng 450/750 V loại cáp dùng cho thang máy và cáp dùng cho đoạn nối chịu uốn	TCVN 6610-1:2014 (IEC 60227-1:2007) TCVN 6610-6:2011 (IEC 60227-6:2001)	85444941
2.	Cáp cách điện bằng cao su điện áp danh định đến và bằng 450/750 V	TCVN 9615-1:2013 (IEC 60245-1:2008) TCVN 9615-4:2013 (IEC 60245-4:2011) TCVN 9615-5:2013 (IEC 60245-5:1994 Adm.1:2003) TCVN 9615-6:2013 (IEC 60245-6:1994 Adm.1:1997 Adm.2:2003)	85444942
3.	Cáp điện có cách điện PVC hoặc XLPE dạng đùn, điện áp danh định 0,6/1 kV	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)	85444941 8544494
4.	Ổ cắm điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-3:2016 (IEC 60884-2-3:2006) TCVN 6188-2-6:2016 (IEC 60884-2-6:1997)	85366992 85366999
5.	Phích cắm điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-1:2008 (IEC 60884-2-1:2006)	85366992 85366999
6.	Bộ chuyển đổi ổ cắm dùng trong gia đình có dòng điện	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-5:2016	85366992 85366999

TT	Tên sản phẩm	Tiêu chuẩn áp dụng	HS
	danh định không vượt quá 32 A	(IEC 60884-2-5:1995)	85369094 85369099
7.	Bộ dây nguồn nối dài dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 32 A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) TCVN 6188-2-7:2016 (IEC 60884-2-7:2013)	85369094 85369099
8.	Công tắc điện dùng trong gia đình có dòng điện danh định không vượt quá 63 A	TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007)	85365061 85365069
9.	Áp tômát tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) dòng điện danh định không quá 125 A	TCVN 6950-1:2007 (IEC 61008-1:2006)	85365033 85365039
-			

